TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 5 năm 2022
Về tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 38/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2022, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1970;
- Bị đơn: Ông Lê Quốc P, sinh năm 1967,

Cùng địa chỉ: Số 194 đường T, tổ 55 phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Lê Quốc P kết hôn vào năm 1991 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại địa chỉ Số 194 đường T, tổ 55 phường K, quận K. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, bất đồng trong cách sống, cách suy nghĩ dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quốc P.

Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Quốc P có ba con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1991; Lê Nhật A, sinh năm 1994; Lê Nhật M, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà L xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Quốc P nhiều lần về Thông báo thụ lý, các lần hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Quốc P; Về con chung: Các con đã trưởng thành; Tài sản chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung bà L xác định không có nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Quốc P được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị L và ông Lê Quốc P kết hôn vào năm 1991, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 227 ngày 31 tháng 5 năm 1991. Đây là hôn nhận hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L trình bày là do quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, bà xác định không còn tình cảm với ông P. Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông P. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì địa phương không rõ vợ chồng có mâu thuẫn hay không. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông P rất nhiều lần về nội dung yêu cầu xin ly hôn của bà L nhưng ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của Nguyên đơn, điều đó thể hiện ông không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Lê Thị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà L xác định có 03 con tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1991; Lê Nhật A, sinh năm 1994; Lê Nhật M, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết .

[6] Về nợ chung: Bà L xác đinh không có nên không đề cập.

[7] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về tranh chấp "Ly hôn" đối với ông Lê Quốc P.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị L được ly hôn ông Lê Quốc P.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu tòa án giải quyết, ông P không có ý kiến phản hồi nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Bà L xác định không có nên không đề cập.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Lê Thị L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002535 ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng